

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2020
Về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm: 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Số 61J đường V, khu phố L, thị trấn L, huyện L, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm: 1991 (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 94E, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 26, phân trại số 2, Trại giam Huy Khiêm; địa chỉ: Thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh P trình bày:

Chị Nguyễn Thị Minh P và anh Phạm Văn P quen biết, tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số I/2015 ngày 25/3/2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn hòa hợp trong cuộc sống, cũng như trong sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên cãi vã có khi dẫn đến đánh nhau. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 năm nay, hiện nay chị P về nhà cha mẹ ruột ở còn anh P đang chấp hành án tại đội 26 phân trại số 02 Trại giam Huy Khiêm, tỉnh Bình Thuận.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm để tiếp tục chung sống với nhau nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Phương A, sinh ngày 22/01/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu ở với anh P và bà nội, từ khi anh P đi chấp hành án được bà nội chăm sóc từ đó cho đến nay, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phạm Văn P trình bày:

Anh P và chị P tự nguyện tìm hiểu đi tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 25/3/2015. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 do anh P sử dụng ma túy nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian này ít khi gặp mặt hay liên lạc với nhau. Từ khi anh P phải đi chấp hành án thì chị P mới đến thăm 01 lần và thông báo đơn phương xin ly hôn. Nay, chị P xin ly hôn anh P cũng đồng ý để cho chị P có điều kiện tạo dựng cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Nguyễn Phương A, sinh ngày 22/01/2015, hiện nay cháu đang ở với mẹ của anh P (bà nội cháu Phương A). Nguyên vọng của anh P là được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nhưng hiện nay đang phải chấp hành án thì để cho mẹ anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khi nào chấp hành án xong sẽ trực tiếp nuôi con. Anh P không đồng ý

giao con cho chị P nuôi vì con đã quen sống với gia đình anh P và gia đình cũng có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu hơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh P đang phải chấp hành án tại Trại giam Huy Khiên nên không thể đến Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để làm việc theo yêu cầu của Tòa án nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa anh P vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; chị P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đồng ý giao cháu Phạm Nguyễn Phương A cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P đối với anh P. Chị P được ly hôn với anh P, giao cháu Phạm Nguyễn Phương A cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị P về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ; về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng chị P yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh P được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng tại phiên tòa chị P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đồng ý giao con chung cho anh P nuôi là hoàn toàn tự nguyện và yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa anh P vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con thì thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị P cho rằng vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, đã có một thời gian dài sống ly thân nhưng không hàn gắn được nên xin ly hôn. Anh P thừa nhận trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống qua yêu cầu xin ly hôn của chị P anh P cũng đồng ý cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của chị P là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con là cháu Phương Anh, nhưng tại phiên tòa chị P thay đổi một phần yêu cầu đồng ý giao con chung cho anh P nuôi dưỡng thì thấy. Các bên thừa nhận từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay con chung ở với gia đình anh P được gia đình anh P chăm sóc chu đáo, khi anh P đi chấp hành án con chung do bà La Thị T là mẹ ruột của anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và bà Tài đề nghị Tòa án giao con chung cho anh P nuôi dưỡng, bà Tài phụ giúp anh P chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian anh P đi chấp hành án (biên bản lấy lời khai ngày 10/9/2020). Để tránh làm ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt cũng như tâm sinh lý của cháu Phương A nên giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và không trái với sự thỏa thuận của anh P và chị P về việc nuôi con chung. Nếu như, trong quá trình chăm sóc nuôi dưỡng anh P không chăm lo cho con đầy đủ, chu đáo làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh P không yêu cầu, nhưng chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh P về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Phạm Văn P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh P được ly hôn với anh Phạm Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Phương A, sinh ngày 22/01/2015 cho anh Phạm Văn P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Minh P về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Minh P phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số TU/2020/0000411 ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND thị trấn Long Điền (số 34, quyền số I/2015 ngày 25/3/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án....

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Hoàng Đức**